CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP May mặc Bình Dương

Ngày 31/03/2025	40,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.3%	**17.1%**	**13.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,057 - 40,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,002
Số lượng CPLH (CP)	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,655
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.42
EPS	6,168
P/E	6.6

DT thuần
Q1/25
355
tỷ VNĐ
QoQ: ▼151| -29.9%
YoY: ▲ 1.00| 0.3%

LN thuần
Q1/25
14.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼79.0| -84.2%
YoY: ▼12.5| -45.7%

LN sau thuế
Q1/25
13.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼66.3| -83.5%
YoY: ▼9.30| -41.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
5.2%
YoY: +/-▼ 14.2%

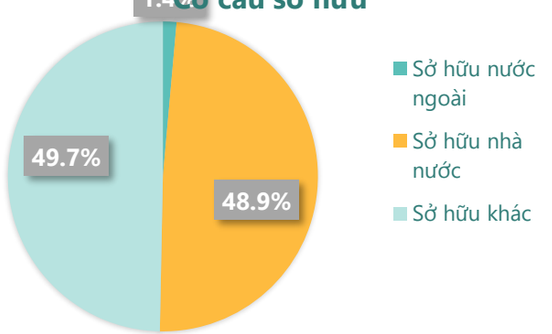
ROE (TTM)
Q1/25
24.8%
YoY: +/-▼ 2.5%

DT thuần
2024
1,817
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 257| 16.4%

LN thuần
2024
204
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.0| 29.8%

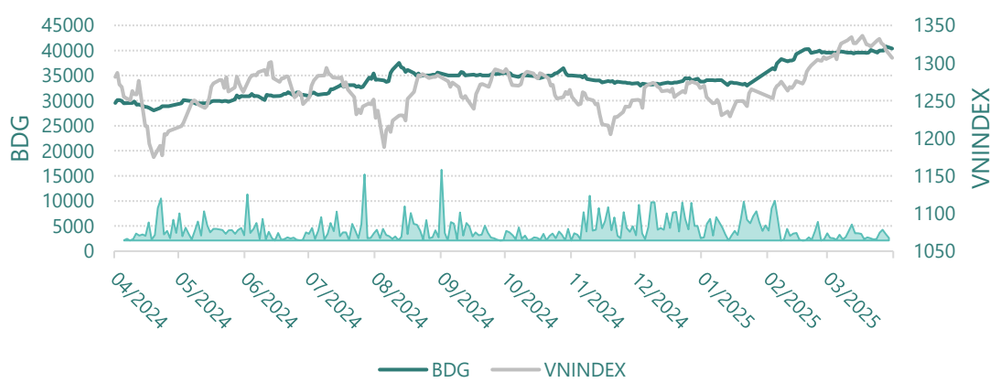
LN sau thuế
2024
176
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.0| 43.3%

Cơ cấu sở hữu

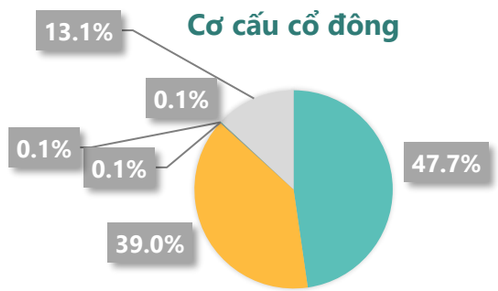


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

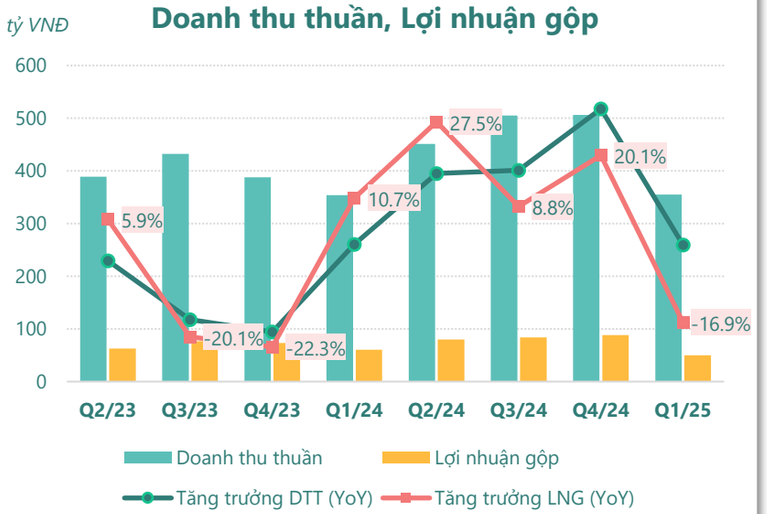


- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương
- Nguyễn Thị Trúc Thanh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Xuân Quân (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Hồng Anh (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

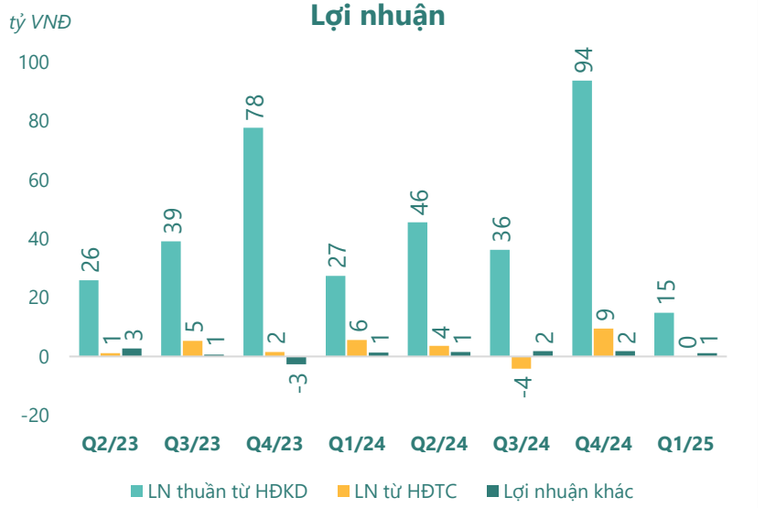
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



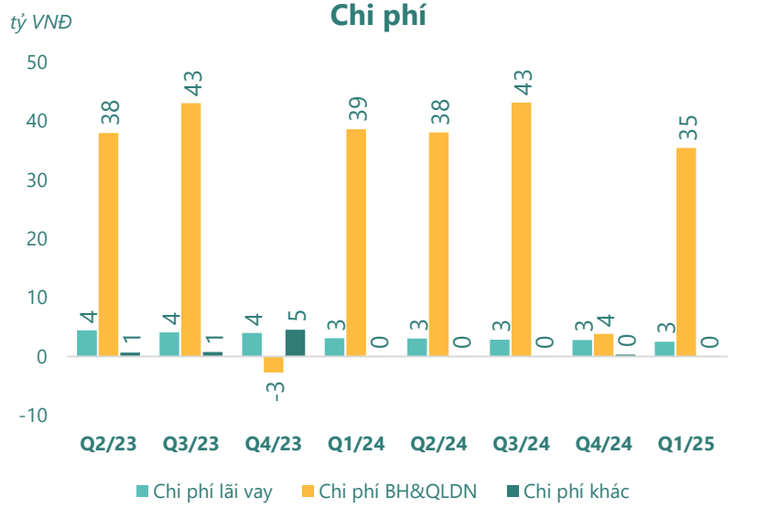
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



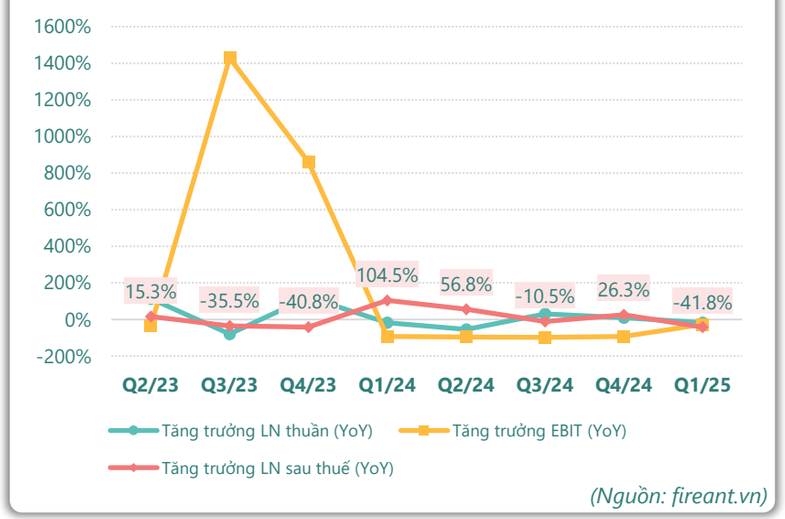
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



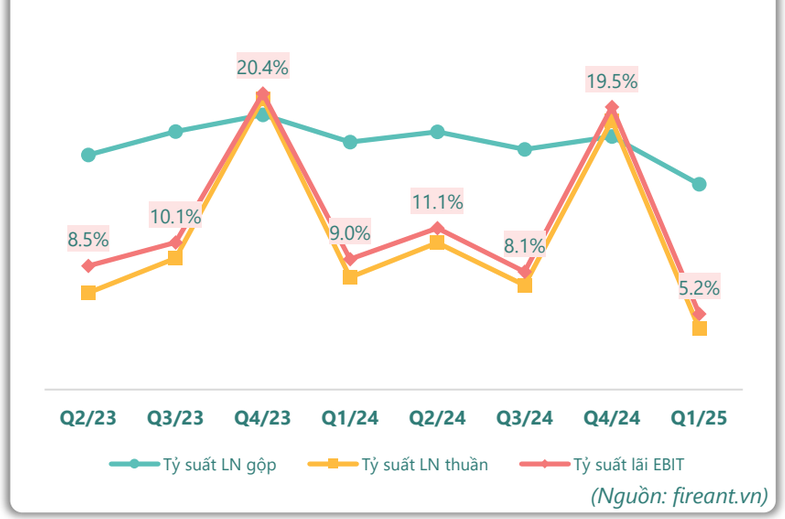
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



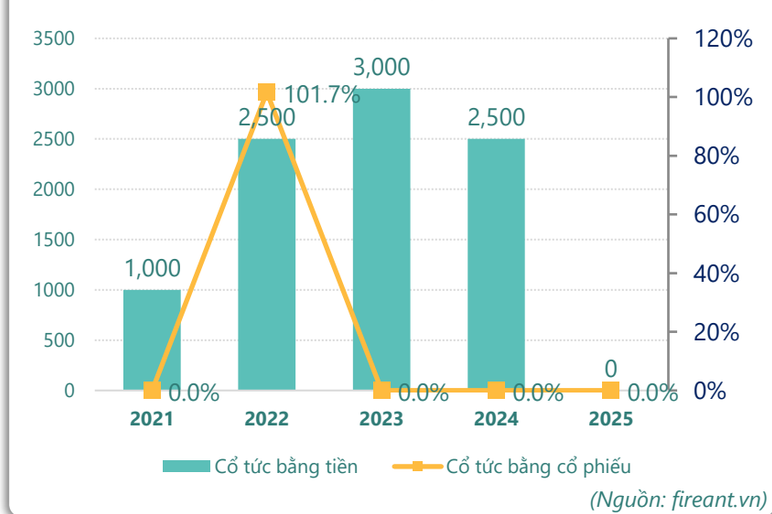
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

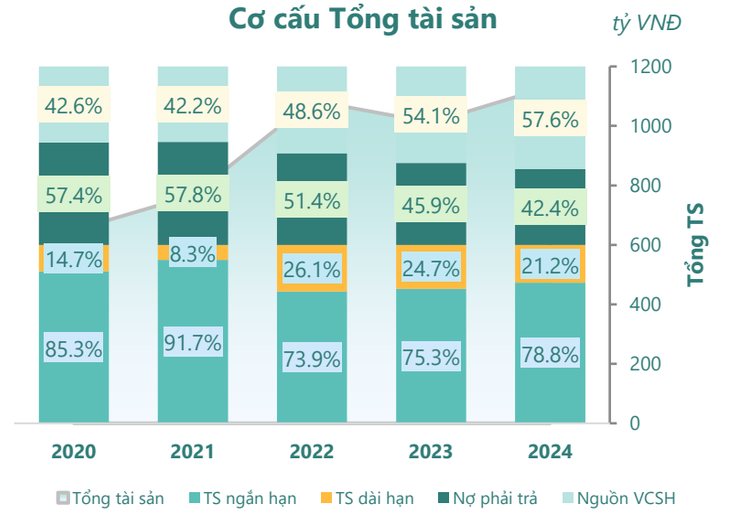
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

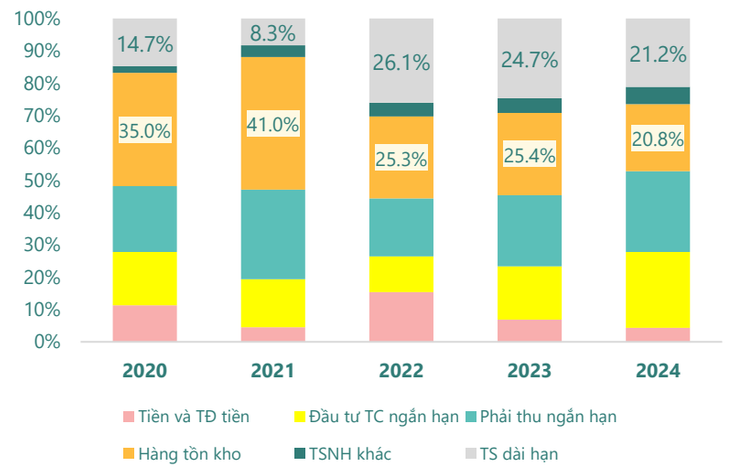
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



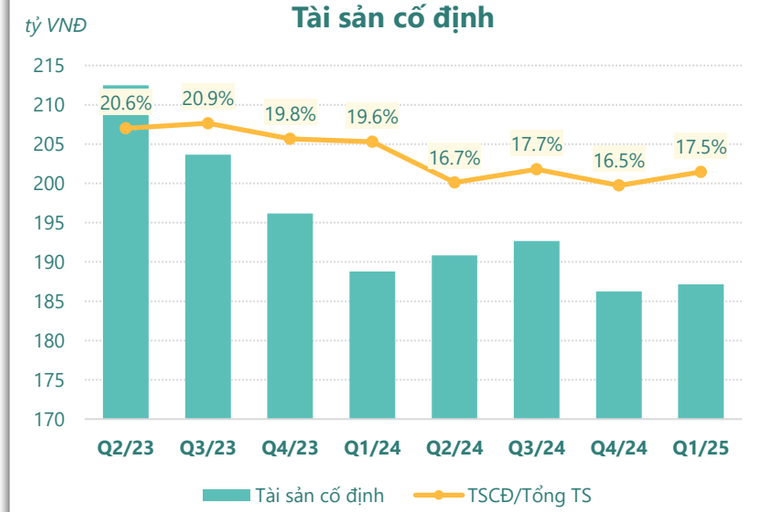
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



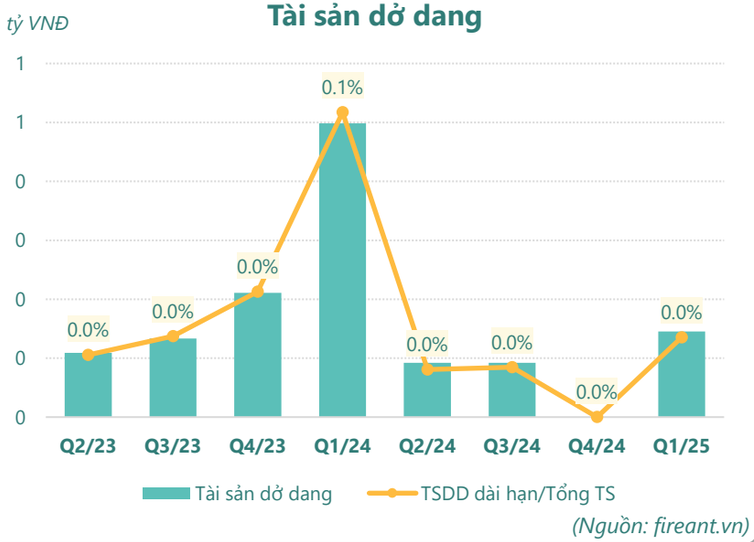
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



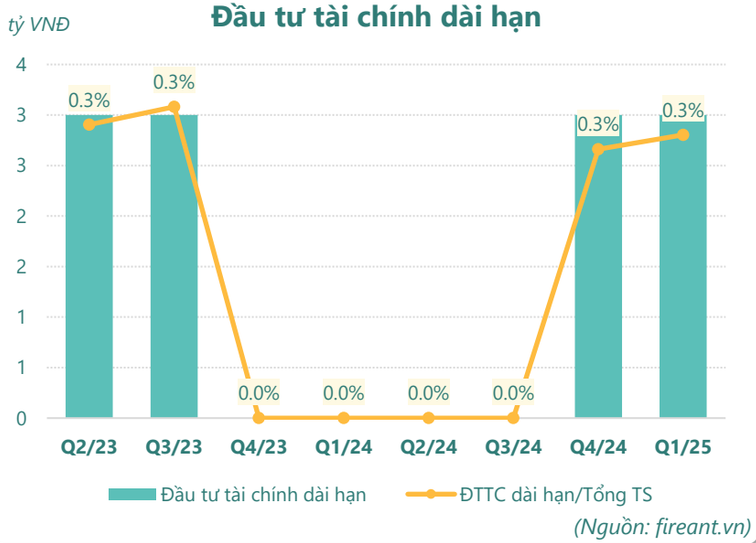
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



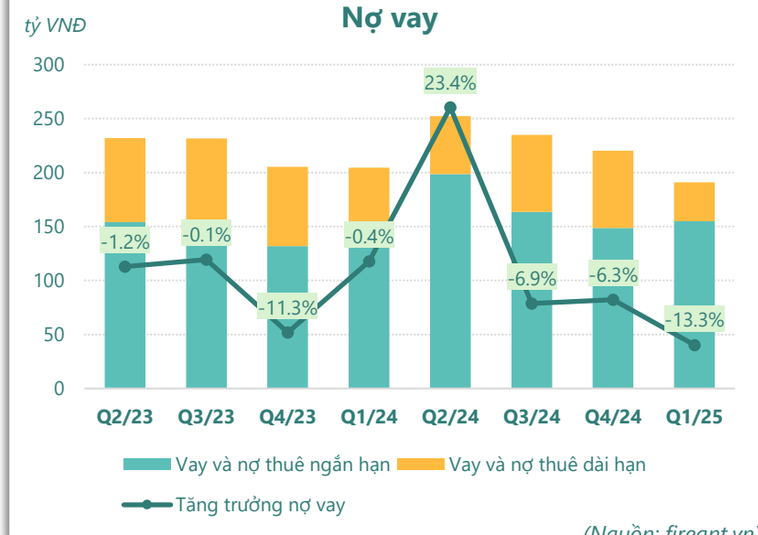
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

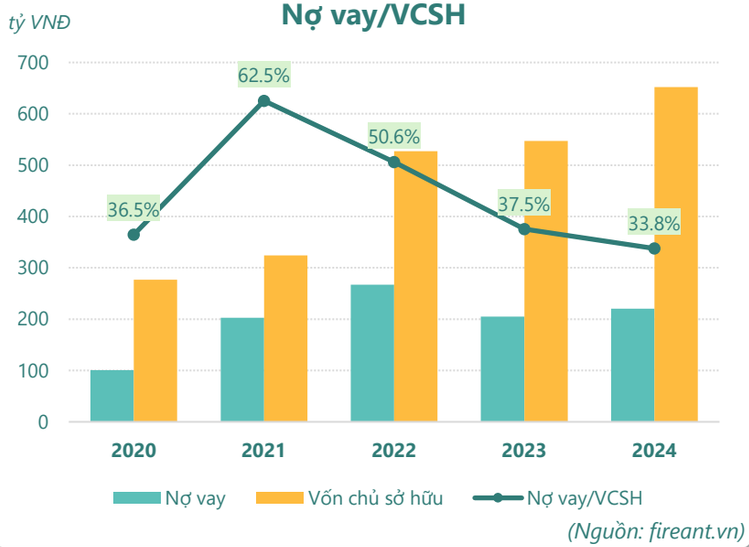
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

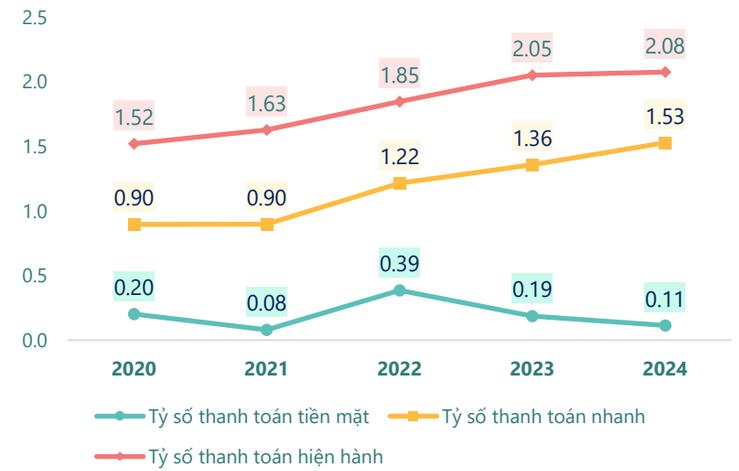
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



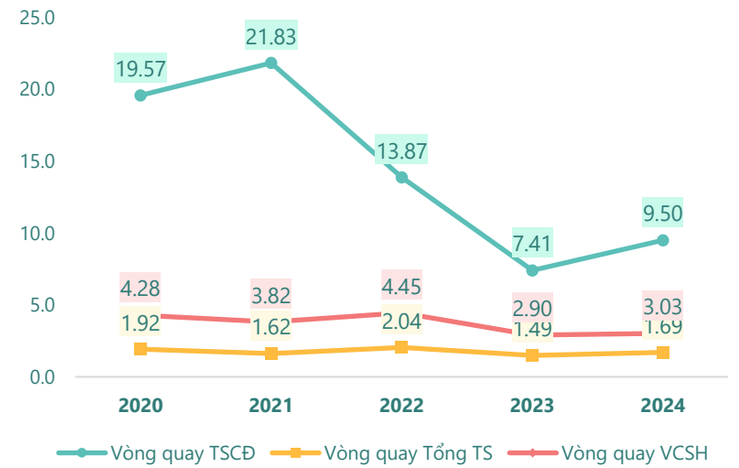
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



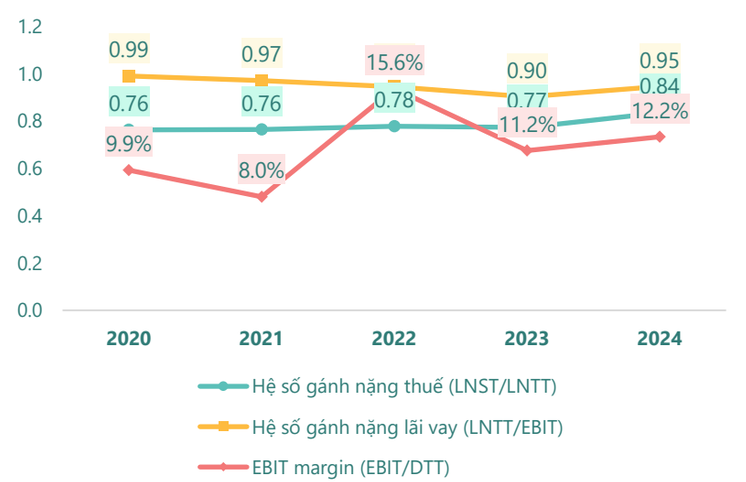
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



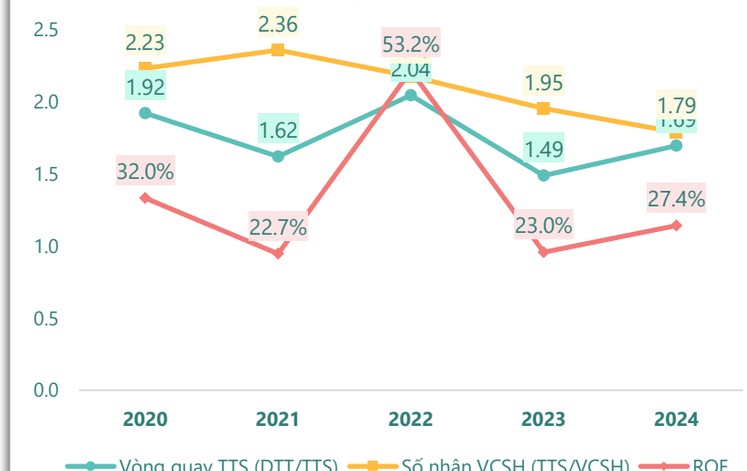
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



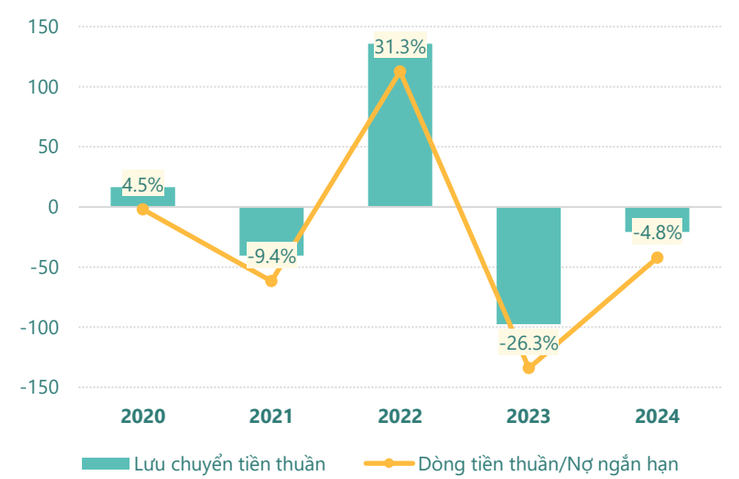
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**355**	**354**	**0.3%**	**1,817**	**1,560**	**16.4%**
Giá vốn hàng bán	305	294	3.7%	1,504	1,294	16.3%
Lợi nhuận gộp	50.2	60.4	-16.9%	312	266	17.4%
Doanh thu HĐTC	10.1	11.8	-14.7%	55.5	43.3	28.3%
Chi phí TC	9.92	6.15	61.3%	41.1	36.0	14.3%
Chi phí lãi vay	2.53	3.10	-18.4%	11.8	17.1	-30.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.68	3.90	-5.7%	17.2	19.8	-13.5%
Chi phí QLDN	**31.8**	**34.7**	**-8.4%**	**106**	**96.6**	**9.6%**
LN thuần từ HĐKD	14.9	27.4	-45.7%	204	157	29.8%
Lợi nhuận khác	**1.10**	**1.32**	**-16.9%**	**6.65**	**1.48**	**351%**
LN trước thuế	16.0	28.7	-44.4%	210	158	32.7%
Lợi nhuận sau thuế	**13.1**	**22.4**	**-41.6%**	**176**	**123**	**43.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.1**	**22.9**	**-47.0%**	**164**	**123**	**33.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.9	9.92	34.9	44.1	50.0	9.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.1	98.3	-118	-16.8	-90.6	22.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.0	-1.39	47.9	-79.0	-15.5	-30.4
Tiền đầu kỳ	115	69.6	177	141	88.7	48.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-41.2**	**107**	**-35.1**	**-51.7**	**-56.0**	**1.45**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.22	0.21	-0.20	-0.90	0.97	-0.01
Tiền cuối kỳ	72.7	177	141	88.7	33.7	50.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,071**	**1,133**	**-5.5%**
Tài sản ngắn hạn	828	893	-7.2%
Tiền và tương đương tiền	50.3	48.9	2.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	235	265	-11.3%
Phải thu ngắn hạn	218	283	-23.1%
Hàng tồn kho	249	235	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	75.6	59.9	26.2%
Tài sản dài hạn	**242**	**240**	**1.0%**
Phải thu dài hạn	0.20	0.20	0.0%
Tài sản cố định	187	186	0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**36.4**	**34.4**	**5.8%**
Lợi thế thương mại	15.6	16.1	-3.4%
Nợ phải trả	406	481	-15.6%
Nợ ngắn hạn	**355**	**430**	**-17.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	184	-15.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	132	125	6.2%
Nợ dài hạn	50.1	50.7	-1.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.9	35.9	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**665**	**652**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**665**	**652**	**2.0%**
Vốn điều lệ	248	248	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)